

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2026.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thanh và bà Quảng Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sùng Thị C; sinh năm 1987; số CCCD: 011187003215, ngày cấp: 24/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy A - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước và Đầu giá tài sản tỉnh Đ – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ Đình N (tên gọi khác: Hồ A P), sinh năm 1966; Số CCCD: 011066000790, ngày cấp 11/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Thôn P, xã S, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2026, biên bản lấy lời khai, bà Sùng Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Đình N (tên gọi khác: Hồ A P) tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ tháng 8 năm 2009 cho đến đầu năm 2024, nhưng bà và ông Hồ Đình N không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi chung

sống với nhau, bà C và ông N sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mỗi lần cãi nhau ông N thường đánh đập bà C. Đến đầu năm 2024 bà C và ông N đã sống ly thân cho đến nay; bà C xác định không còn tình cảm với ông N nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào trình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Đình N.

Về con chung: Bà Sùng Thị C và ông Hồ Đình N có 05 người con chung là cháu Hồ Thị S, sinh ngày 06/11/2011; cháu Hồ A S1, sinh ngày 17/10/2013; cháu Hồ A V, sinh ngày 11/07/2015; cháu Hồ Thanh P1, sinh ngày 21/10/2017; cháu Hồ Thành C1, sinh ngày 06/6/2018. Khi ly hôn, bà Sùng Thị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Hồ Thị S, Hồ Thanh P1, Hồ Thành C1 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Đồng thời bà C đề nghị giao các cháu H A S1 và Hồ A V cho ông H Đình N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà C chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Sùng Thị C chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Sùng Thị C và ông Hồ Đình N không có nợ chung.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, ông Hồ Đình N trình bày:

Về hôn nhân: Ông Hồ Đình N đồng ý với ý kiến trình bày của bà Sùng Thị C. Ông N và bà C chung sống như vợ chồng từ tháng 8 năm 2009 cho đến đầu năm 2024, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định; quá trình chung sống ông và bà C sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi nhau; đến đầu năm 2024 thì bà C đã bỏ đi sinh sống cùng nhà với em trai tại thôn Đ, xã S, tỉnh Điện Biên. Nay bà Sùng Thị C khởi kiện ly hôn thì ông N không đồng ý, do còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án hòa giải cho ông bà về đoàn tụ.

Về con chung: Ông Hồ Đình N và bà Sùng Thị C có 05 con chung là cháu Hồ Thị S, sinh ngày 06/11/2011; cháu Hồ A S1, sinh ngày 17/10/2013; cháu Hồ A V, sinh ngày 11/07/2015; cháu Hồ Thanh P1, sinh ngày 21/10/2017; cháu Hồ Thành C1, sinh ngày 06/6/2018. Trường hợp bà C cương quyết ly hôn thì ông N đồng ý theo yêu cầu của bà C, ông N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H A S1 và Hồ A V cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Còn bà Sùng Thị C sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồ Thị S, Hồ Thanh P1, Hồ Thành C1 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bà Sùng Thị C và ông Hồ Đình N1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Sùng Thị C trình bày: Giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của bà Sùng Thị C; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông N1, về con chung: Đề nghị giao cháu Hồ Thị S, sinh ngày 06/11/2011; cháu Hồ Thanh P1, sinh ngày 21/10/2017; cháu Hồ Thành C1, sinh ngày 06/6/2018 cho bà Sùng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Hồ A S1, sinh ngày 17/10/2013; cháu Hồ A V, sinh ngày 11/07/2015 cho ông H Đình N2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 53, các Điều 14, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân và con chung. Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Vụ án ly hôn giữa bà Sùng Thị C và ông Hồ Đình N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Sùng Thị C: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, theo quy định tại các Điều 14, 51, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Sùng Thị C và ông H Đình N2 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2023 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, ông N thường đánh đập bà C, mâu thuẫn đã lâm vào trình trạng trầm trọng. Bà C và ông N đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, bỏ mặc, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tuy nhiên, do bà C và ông N chung sống với nhau từ năm 2009 mà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ này không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà C, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sùng Thị C và ông Hồ Đình N.

[3] Về con chung: Bà Sùng Thị C và ông Hồ Đình N có 05 người con chung là cháu Hồ Thị S, sinh ngày 06/11/2011; cháu Hồ A S1, sinh ngày 17/10/2013; cháu Hồ A V, sinh ngày 11/07/2015; cháu Hồ Thanh P1, sinh ngày 21/10/2017; cháu Hồ Thành C1, sinh ngày 06/6/2018.

Căn cứ các biên bản xác minh, xét nguyện vọng của các cháu, biên bản lấy lời khai của đương sự thấy: Bà Sùng Thị C có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Thị S, cháu Hồ Thanh P1, cháu Hồ Thành C1 và các cháu cũng có tờ khai nguyện vọng muốn ở với mẹ; ông Hồ Đình N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ A S1, cháu H A V và các cháu cũng có tờ khai nguyện vọng được ở cùng bố. Bà C và ông N đều có nơi ở ổn định, thu nhập từ làm nông nghiệp.

Căn cứ các điều 15, 58, 69, 71, 72, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển toàn diện của trẻ, cần chấp nhận yêu cầu của bà C và ông N; giao các cháu Hồ Thị S, Hồ Thanh P1, Hồ Thành C1 cho bà Sùng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao các cháu Hồ A, Hồ A cho ông H Đình N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà C và ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Sùng Thị C và ông Hồ Đình N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và nguyên đơn có đơn xin miễn nộp án phí, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa: Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 69, 71, 72, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sùng Thị C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sùng Thị C và ông Hồ Đình N (tên gọi khác: Hồ A).

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Thị S, sinh ngày 06/11/2011; cháu Hồ Thanh P1, sinh ngày 21/10/2017; cháu Hồ Thành C1, sinh ngày 06/6/2018 cho bà Sùng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Hồ A S1, sinh ngày 17/10/2013; cháu Hồ A V, sinh ngày 11/07/2015 cho ông Hồ Đình N (tên gọi khác: Hồ A) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Sùng Thị C và ông Hồ Đình N (tên gọi khác: Hồ A P) có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Sáng Nhè, tỉnh Điện Biên;
- Đương sự;
- Người BVQ và LIHP của đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thanh Tuấn